TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2017.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Mai Khương.
2. Ông Phan Thành Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1971

- Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm: 1968

Cùng trú tại: Tổ 1, thôn , xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
Bà L và ông V đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Tôi và ông V tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 1989. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng tôi thường xuyên uống rượu say xỉn về đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vả nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên là:

1. Phạm Thị T1, sinh ngày 20/10/1999.

2. Phạm Thị Mỹ T2, sinh ngày 20/01/2006.

Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu T2 và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu T1 đã lớn có gia đình nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung.

- Về cho mượn nợ: Vợ chồng tôi không cho ai mượn nợ

* Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn V trình bày**:** Ông thống nhất thời gian, hoàn cảnh kết hôn như bà L trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông thừa nhận có hay uống rượu và có đánh vợ. Vợ ông bỏ nhà đi theo người khác hơn một năm rưỡi nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông không đồng ý nhưng ông cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Ông V thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là:

1. Phạm Thị T1, sinh ngày 20/10/1999.

2. Phạm Thị Mỹ T2, sinh ngày 20/01/2006.

Ông không muốn trực tiếp nuôi cháu T2 nhưng ông khai nếu có điều kiện ông sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy theo khả năng của ông.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung và cho mượn nơ: Vợ chồng ông không nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà L. Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về tài sản chung, nợ chung và con chung. Chấp nhận yêu cầu của bà Liên giao cháu T2 cho bà L nuôi và ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có các bên đương sự cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Phạm Văn V là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/3/1989 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp. Sau khi kết hôn, bà L xác định vợ chồng không hạnh phúc. Theo bà L nguyên nhân là do ông V thường xuyên uống rượu đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vả nhau, bất đồng quan điểm sống. Còn ông V cho rằng bà L bỏ nhà đi theo người khác, không quan tâm đến chồng con. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án tạo điều kiện cho các bên hòa giải để được đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng ông V không có mặt và bà L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử thấy bà L không thật sự mong muốn vợ chồng chung sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà L. Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn V.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L và ông V thống nhất có 02 con chung tên là:

1. Phạm Thị T1, sinh ngày 20/10/1999.

2. Phạm Thị Mỹ T2, sinh ngày 20/01/2006.

Bà L muốn được nuôi cháu T2 và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V không mong muốn được nuôi con. Hơn nữa cháu T2 mong muốn được sống với mẹ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao cháu Phạm Thị Mỹ T2, sinh ngày 20/01/2006 cho bà L nuôi dưỡng. Cháu T1 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trước đây bà L yêu cầu chia tài sản chung. Sau khi tòa án tiến hành thẩm định, định giá tài sản thì bà L có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa vợ chồng bà L ông V không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Vợ chồng bà L ông V thống nhất không có nợ chung và không cho ai mượn nợ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị L phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 1.550.000^{đ} (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà L đã nộp. Hoàn lại cho bà L số tiền: 1.250.000^{đ} (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lại thu số 0020198

ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Là đúng với quy định tại các Điều 144; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[8] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị L. Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn V.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

2.1.Giao cháu Phạm Thị Mỹ T2, sinh ngày 20/01/2006 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Phạm Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung: Vợ chồng bà L ông V thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Vợ chồng bà L ông V thống nhất không có nợ chung và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị L phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 1.550.000^{đ} (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Lđã nộp. Hoàn lại cho bà Liên số tiền:

1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lại thu số 0020198 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

6. Bà L, ông V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành